

Bản án số: 13/2019/HS-ST
Ngày 02 - 5 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ CHÂU- TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Huyền và ông Đào Minh Đức.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Tăng Thành Vương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu - tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu - tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thế Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu - tỉnh Nghệ An xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2019/TLST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 16/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Hồng B.** Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 19 tháng 4 năm 1994 tại huyện ĐL - tỉnh NA.

Nơi cư trú: Xóm 6 - xã ĐS - huyện ĐL - tỉnh NA. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hoá: Lớp 11/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Hồng Ng và bà Nguyễn Thị T. Vợ - con: Chưa. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 07/01/2019 đến ngày 16/01/2019 và bị bắt, tạm giam từ ngày 16/01/2019 đến nay. Có mặt.

- *Người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan:*

Công ty TNHH thương mại tổng hợp Đức Cường.

Địa chỉ: Khối 6 - thị trấn KS - huyện QP - tỉnh NA.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hồng M

Chức vụ: Giám đốc Công ty. Vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác: Anh **Dương Tất Đ** - sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Khối 1 - thị trấn KS - huyện QP- tỉnh NA

Vắng mặt.

(Dương Tất Đ là người làm chứng trong vụ án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Hồng B là đối tượng nghiện chất ma túy, vào chiều ngày 06/01/2019, B thuê xe đi từ thị trấn KS của huyện QP lên xã TrL - huyện QP - tỉnh NA tìm mua ma túy để sử dụng. Tại đây B gặp và mua được của một người đàn ông không quen biết một cục Heroin với số tiền 2.200.000đ (Hai triệu, hai trăm nghìn đồng). Sau khi mua xong, B cất cục Heroin vào túi bên phải của áo ấm đang mặc trên người rồi quay về thị trấn KS, huyện QP. Đến khoảng 0 giờ 30 phút ngày 07/01/2019, B thuê xe Taxi của Công ty Đức Cường do Dương Tất Đ điều khiển đi từ huyện QP về huyện DC - tỉnh NA. Khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày, khi xe đi đến khu vực bản TS thuộc xã CH của huyện QC thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt giữ, thu của Nguyễn Hồng B 01 (một) cục chất rắn màu trắng (nghỉ là Heroin) được bọc bằng bao ni lông màu vàng.

Tạm giữ chiếc xe ô tô con (xe taxi) có biển số đăng ký 37A-260.06 của Công ty Đức Cường có địa chỉ trụ sở tại Khối 6 - thị trấn KS - huyện QP - tỉnh NA do Dương Tất Đ điều khiển.

Tại Cơ quan điều tra, B khai nhận bản thân nghiện ma túy nên mua Heroin về để sử dụng.

Kết luận giám định số 253/KL-PC09(MT) ngày 11/01/2019 của Phòng kỹ thuật Hình sự - công an tỉnh NA kết luận: Mẫu chất rắn màu trắng thu giữ của Nguyễn Hồng B gửi giám định là ma túy (Heroin) và có khối lượng là 3,525 gram (ba phẩy năm trăm hai mươi lăm gram).

Trên cơ sở đó, Cáo trạng số 16/CT-VKS-HS ngày 27/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện QC, tỉnh NA quyết định truy tố Nguyễn Hồng B ra trước Tòa án để xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 249 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện VKS thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như nội dung Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng quy định tại điểm c khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1- khoản 2 điều 51 BLHS. Xử phạt Nguyễn Hồng B từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Đề nghị tịch thu, tiêu hủy số ma túy còn lại là vật chứng trong vụ án; không áp dụng hình phạt bổ sung và buộc bị cáo chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện QC, của điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện QC, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố. Về cơ bản Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng do Bộ luật tố tụng Hình sự quy định. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý

kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn này.

Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện QC đã tạm giữ chiếc xe ô tô con (xe taxi) có biển số đăng ký 37A-260.06 của Công ty TNHH TMTĐ Đức Cường có địa chỉ trụ sở tại Khố 6 - thị trấn KS - huyện QP - tỉnh NA, chiếc xe này được giao cho Dương Tất Đ điều khiển, sử dụng để chở khách. Chủ sở hữu của chiếc xe là Công ty Đức Cường nhưng sau khi đã tạm giữ xe và trong quá trình điều tra không đưa Công ty Đức Cường vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan trong vụ án, không tiến hành lấy lời khai của đại diện chủ sở hữu theo pháp luật của Công ty hoặc người được Giám đốc Công ty ủy quyền. Về mặt nội dung: Việc không đưa và không tiến hành lấy lời khai của chủ sở hữu là đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được Giám đốc Công ty ủy quyền là vi phạm thủ tục tố tụng từ đó dẫn đến việc xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án để xử lý về tài sản không đúng; về mặt hình thức: Việc trả lại chiếc xe cho Dương Tất Đ trong trường hợp không có ủy quyền của Công ty Đức Cường là không đúng quy định, vì đây không phải là tài sản của Dương Tất Đ. Đây là vi phạm thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra mà Điều tra viên mắc phải và trong đó có một phần lỗi của Kiểm sát viên thực hành quyền kiểm sát điều tra đã không làm hết trách nhiệm của mình nên dẫn đến vi phạm trên làm ảnh hưởng đến việc tuân thủ những quy định của pháp luật.

Ngoài ra, tại Biên bản giao, nhận vật chứng được lập vào hồi 15 giờ ngày 27/3/2019 (bút lục số 98) giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện QC và Chi cục thi hành án dân sự huyện QC có ghi: *"- 3,325 g (ba phẩy ba trăm hai mươi lăm gam) chất rắn màu trắng (nghi là Heroin) và"*. Việc ghi như vậy là không đúng, bởi tại Kết luận giám định số 253/KL-PC09(MT) ngày 11/01/2019 của Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh NA đã kết luận rất rõ: Mẫu chất rắn màu trắng thu giữ của Nguyễn Hồng B gửi giám định là ma túy (Heroin). Như vậy vật chứng này đã được khẳng định là Heroin, không phải đối tượng nghi ngờ gì nữa.

Mặc dù việc giao, trả chiếc xe nói trên đã hoàn tất và không có ai phản đối hay khiếu nại; những vi phạm nêu trên đã được khắc phục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên Tòa. Nhưng Hội đồng xét xử xét thấy cần kiến nghị với Lãnh đạo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện QC và Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân huyện QC tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo về chuyên môn để Điều tra viên, Kiểm sát viên nâng cao tinh thần trách nhiệm, thực hiện đúng quy định của pháp luật, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tránh để sai sót như đã nêu trên.

[2] Về căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa đã xác định được bản thân bị cáo là đối tượng nghiện ma túy nên chiều ngày 06/01/2019 đi tìm mua Heroin về sử dụng. Sau khi tìm mua được của một người không quen biết tại xã TrL - huyện QP - tỉnh NA 01 cục Heroin với giá 2.200.000đ (Hai triệu, hai trăm nghìn đồng) thì quay về. Trên đường từ huyện QP về huyện DC khi đi qua địa phận huyện QC bị lực lượng Công an phát hiện, bắt giữ, bị thu giữ 01 cục ma túy là Heroin có trọng lượng 3,525 gram.

Quá trình xét xử tại phiên Tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của đại diện hợp pháp người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu trong Hồ sơ vụ án cũng như vật chứng được thu giữ đã được thẩm tra, xem xét. Có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: bị cáo Nguyễn Hồng B đã có hành vi *Tàng trữ trái phép chất ma túy*. Hành vi này đã hoàn thành và do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và các trách nhiệm khác liên quan tương ứng theo quy định của pháp luật. Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện QC truy tố bị cáo ra trước Tòa án để xét xử theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 249 BLHS là thỏa đáng và có cơ sở.

[3] Xét tính chất vụ án: Vụ án thuộc trường hợp có tính chất nghiêm trọng và hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo tuổi đời còn trẻ, sinh ra trong gia đình có truyền thống cách mạng, được gia đình, nhà trường, xã hội chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và có nhận thức nhất định về pháp luật nhưng do thiếu ý thức tu dưỡng, không chịu khó làm ăn và không tuân thủ quy định của pháp luật nên đã sớm đi vào con đường nghiện ngập và từ đó đã dẫn đến vi phạm pháp luật; đó là xâm phạm trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính, từ đó gây mất an ninh trật tự và an toàn xã hội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực có chủ ý, nên phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi phạm tội của bản thân.

[4] Xét tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân bị cáo có bà nội Trần Thị L, ông ngoại Nguyễn Trọng L, bà ngoại Dương Thị L là những người có công được nhà nước tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương vì đã có thành tích, công lao trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước; có cậu ruột Nguyễn Trọng L là liệt sỹ; bố bị cáo ông Nguyễn Hồng N cũng được tặng thưởng nhiều Giấy khen của địa phương và Kỷ niệm chương của Bộ Công an vì đã có công trong sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc. Đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 - khoản 2 điều 51 BLHS để vận dụng xử phạt đối với bị cáo khi lượng hình. Cần xử phạt nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội; đồng thời cũng để làm bài học răn đe, phòng ngừa, cảnh tỉnh chung.

[5] Hình phạt bổ sung: Khoản 5 điều 249 BLHS quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng....hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên xét thấy bản thân bị cáo chưa có tài sản riêng, không có khả năng thi hành án. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và không tịch thu tài sản đối với bị cáo.

[6] Trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan trong vụ án đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và không yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo dẫn đến việc chiếc xe Taxi bị tạm giữ một thời gian. Vì vậy không xem xét, giải quyết.

[7] Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện QC đã tạm giữ 01 xe con (xe taxi); thu giữ từ Nguyễn Hồng B 01 (một) cục Heroin được bọc bằng bao ni lông có trọng lượng 3,525 gram (Ba phẩy năm hai năm gram). Đã trích 0,20 gram giám định; còn lại 3,325 gram.

Chiếc xe con (xe taxi) bị tạm giữ không sử dụng cho mục đích phạm tội, không phải do phạm tội mà có. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện QC đã giao, trả xe cho Dương Tất Đ; nay không xem xét lại nữa.

Đối với 3,325 gram Heroin còn lại cần căn cứ quy định điều 106 BLTTHS để tịch thu, tiêu hủy.

[8] Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1 - khoản 2 điều 51; điều 38 BLHS. Xử phạt Nguyễn Hồng B 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 07/01/2019 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử lý vật chứng: Căn cứ điều 106 BLTTHS. Tuyên tịch thu, tiêu hủy 3,325 gram Heroin đã thu của Nguyễn Hồng B cùng vỏ bao niêm phong. Có đặc điểm như mô tả trong biên bản giao, nhận vật chứng được lập vào hồi 15 giờ 00 phút ngày 27/3/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện QC.

Án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 Bộ Luật tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc Nguyễn Hồng B phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt bị cáo, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh NA trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Công an huyện QC;
- VKSND huyện QC;
- Bộ phận HSNV Công an huyện QC;
- Phòng KTNV&THAHS - TAND tỉnh NA;
- Chi cục THADS huyện QC;
- Sở Tư pháp tỉnh NA;
- Bị cáo;Người có quyền lợi-nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Văn Dũng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gò thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gò thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy

định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)